

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NGÃ BẢY
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21/9/2021

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NGÃ BẢY - TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Hồng Hà

2. Ông Lữ Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Vũ Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ngã Bảy tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2021 về Tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXX-ST ngày 31 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Vương K U, sinh năm: 1984

Trú tại: Số X, phường Y, quận Z, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Võ Thị B T, sinh năm: 1990

Trú tại: ấp N, xã Đ, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 01/6/2021 và quá trình tố tụng nguyên đơn Nguyễn Vương K U trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Vương K U và chị Võ Thị B T tự nguyện sống chung như vợ chồng vào năm 2009 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do cả hai bất đồng ý kiến với nhau trong nhiều quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, cả hai không chia sẻ mâu thuẫn lẫn nhau, sống trong không khí ngột ngạt, nặng nề và tự nguyện ly thân từ năm 2015. Xét thấy hôn

nhân cả hai đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hôn nhân không hàn gắn được mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Nguyễn Vương K U yêu cầu xin ly hôn với chị Võ Thị B T.

- Về con chung: Có 01 con chung cháu Võ Lương M N, giới tính: Nữ, sinh ngày: 05/11/2012 từ khi ly thân đến nay sống với chị T. Sau khi ly hôn anh U đồng ý giao cháu N cho chị T nuôi dưỡng và anh U chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng bị đơn chị Võ Thị B T trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của anh U là đúng về mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản và nợ chung. Anh U và chị T sống chung như vợ chồng vào năm 2009 nhưng do làm ăn không hiểu biết pháp luật nên không có đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung cả hai xảy ra mâu thuẫn và tự ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay anh U yêu cầu xin ly hôn chị T đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Từ khi ly thân đến nay cháu Võ Lương M N sống chung với chị T. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu N và chưa yêu cầu anh U phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm Phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 14, Điều 53, Điều 81 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận anh Nguyễn Vương K U và chị Võ Thị B T là vợ chồng; Về con chung giao cháu N cho chị T nuôi dưỡng và anh U chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Vương K U và bị đơn chị Võ Thị B T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1, Điều 227 Bộ luật

tổ tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh U và chị T theo quy định pháp luật

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Vương K U và chị Võ Thị B T tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2009 có tổ chức lễ cưới theo truyền thống, nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình sống chung do bất đồng ý kiến với nhau trong quan điểm sống, không hợp nhau anh U và chị T đã tự ly thân từ năm 2015. Xét quá trình chung sống giữa anh U và chị T không đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh, chị không hợp pháp. Căn cứ Điều 14 và Điều 53 Luật thì hôn nhân và gia đình thì hôn nhân giữa anh, chị không được pháp luật thừa nhận do đó, khi có yêu cầu xin ly hôn Tòa án không công nhận là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Cháu Võ Lương M N có nguyện vọng sống với chị T và chị T có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu N. Để ổn định môi trường sống, học tập và tâm lý cháu N nên Hội đồng xét xử giao cháu N cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 (mười tám) tuổi. Anh U chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho anh U không ai được quyền ngăn cản.

[4]. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[6]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7]. Nguyên đơn, bị đơn được kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 4 Điều 147, Khoản 2, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 14, Điều 53, Điều 81 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Vương K U. Không công nhận anh Nguyễn Vương K U và chị Võ Thị B T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Lương Mỹ N, giới tính: Nữ, sinh ngày: 05/11/2012 cho chị Võ Thị B T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 (mười tám) tuổi. Anh Nguyễn Vương K U chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho anh U không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Vương K U phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai **thu số 0008244 ngày 01/6/2021** tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Nguyên đơn không phải nộp thêm.

6. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

7. Trong trường hợp Bản án, Quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự - thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

* Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Viện KSND Tp. Ngã Bảy;
- Chi cục THADS Tp. Ngã Bảy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Nhung